

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT  
NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 199/BC-CDKTNTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2023

## BÁO CÁO

### TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CẮT GỌT KIM LOẠI, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NĂM 2023

#### A. THÔNG TIN CHUNG

##### 1. TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

- Tên trường: TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT NGUYỄN TRƯỜNG TỘ.
- Tên Tiếng Anh: NGUYEN TRUONG TO TECHNICAL COLLEGE.
- Cơ quan chủ quản: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.
- Địa chỉ trường:
  - + Trụ sở chính/cơ sở 1: Số 02 Mai Thị Lựu, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM.
  - + Cơ sở 2: Số 30, Nguyễn Văn Dung, Phường 6, quận Gò Vấp, TP.HCM.
  - + Cơ sở 3: Khu Đô thị Tây Bắc thành phố, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP. HCM.
- Số điện thoại: (028) 38299317 – (028) 38223758
- Số Fax: 84.028.38299317
- Email: [ntt@nguyentruongto.edu.vn](mailto:ntt@nguyentruongto.edu.vn)
- Website: [www.nguyentruongto.edu.vn](http://www.nguyentruongto.edu.vn)
- Năm thành lập trường:
  - + Năm thành lập đầu tiên: 1898.
  - + Năm thành lập Trường Cao đẳng nghề Nguyễn Trường Tộ: 2011.
  - + Năm đổi tên thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ: 2017.
- Loại hình trường: Công lập.

##### 2. KHOA CƠ KHÍ

- Tên khoa : CƠ KHÍ
- Tên Tiếng Anh : Không có
- Số điện thoại : 028-39105742
- Email : [khoacokhi@nguyentruongto.edu.vn](mailto:khoacokhi@nguyentruongto.edu.vn)

Trước 30/4/1975, Ban Máy dụng cụ và Ban Kỹ nghệ sắt thuộc Trường Bá nghệ Sài Gòn. Sau ngày 30/4/1975, Ban Máy dụng cụ và Ban Kỹ nghệ sắt phát triển cùng với sự phát triển và mở rộng quy mô đào tạo qua các giai đoạn đổi tên trường, nay là trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ. Đến năm 2005, Ban Máy dụng cụ được nâng cấp thành khoa Cơ khí; đến năm 2008 sáp nhập Ban Kỹ nghệ sắt vào Khoa Cơ khí.

Trải qua các giai đoạn phát triển, khoa Cơ khí thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề rất đa dạng, như đào tạo trình độ Công nhân kỹ thuật bậc 2/7, 3/7, 4/7 nghề Nguội khuôn mẫu, Tiện – Phay – Bào, Kỹ nghệ sắt, Gò – Hàn; Trung cấp chuyên nghiệp ngành Nguội sửa chữa, Công nghệ kỹ thuật sửa chữa cơ khí. Đến năm 2012, Trường được nâng cấp thành trường Cao đẳng, Khoa Cơ khí tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp nghề Cắt gọt kim loại và trung cấp, sơ cấp nghề Hàn theo giấy phép đăng ký hoạt động dạy nghề. Đến năm 2017, thực hiện đổi mới về đào tạo nghề theo Luật Giáo dục nghề nghiệp, quy mô hoạt động đào tạo của Trường đã có sự điều chỉnh, khoa Cơ khí được giao nhiệm vụ tiếp tục tổ chức quản lý và triển khai đào tạo trình độ cao đẳng, nghề Cắt gọt kim loại; trình độ trung cấp, nghề Cắt gọt kim loại và nghề Hàn. Gần đây, khoa Cơ khí được tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, ngành Công nghệ ô tô.

Khoa Cơ khí đã được UBND TP.HCM công nhận Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc năm học 2015-2016, được Sở Công Thương công nhận Danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến liên tục nhiều năm liền, cho đến năm học 2021-2022.

Về cá nhân:

- 01 GV đạt giải Ba Hội giảng cấp Thành phố, năm 2018.
- GV, SV khoa Cơ khí cùng thiết kế, chế tạo mô hình xe tham gia cuộc thi Lái xe Sinh thái HONDA EMC 2020 của Tổng Công ty Honda Việt Nam, năm 2020.
- 02 GV được Sở Công Thương TP.HCM tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua năm học 2021-2022, từ đề tài “Xây dựng hệ thống tạo PAN động cơ không dây - ứng dụng giảng dạy thực hành Công nghệ ô tô”, năm 2022...

**Các ngành, nghề đào tạo hiện nay của khoa Cơ khí:**

STT	Tên ngành, nghề	Trình độ đào tạo
1	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp
2	Hàn	Trung cấp, Sơ cấp
3	Công nghệ ô tô	Cao đẳng, Trung cấp

### **3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CẮT GỌT KIM LOẠI, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

Năm 1994 Trường tuyển sinh và đào tạo Công nhân kỹ thuật bậc 2/7, 3/7, 4/7 nghề Tiện - Phay – Bào. Năm 1997 tuyển sinh và đào tạo hệ trung học nghề Tiện - Phay –

Bào. Năm 2008 bắt đầu tuyển sinh và đào tạo trình độ trung cấp nghề, nghề Cắt gọt kim loại. Năm học 2013 Trường tuyển sinh và đào tạo trình độ cao đẳng nghề khoá đầu tiên nghề Cắt gọt kim loại (khoá học 2013-2016).

Qua nhiều giai đoạn phát triển, từ chương trình dạy nghề Công nhân kỹ thuật nghề Tiện - Phay - Bào truyền thống và lâu đời, đến nay CTĐT nghề Cắt gọt kim loại cho các cấp trình độ đã được định hình, phù hợp với thực tiễn đào tạo của Trường. Có thể liệt kê trong thời gian gần đây:

**Năm 2017** Trường CĐKT Nguyễn Trường Tộ đồng loạt triển khai công tác xây dựng mới CTĐT cho các ngành, nghề được cấp phép hoạt động GDNN, theo quy định của Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017. Trong đó có nghề Cắt gọt kim loại, trình độ Cao đẳng, gồm 37 môn học, mô-đun (97 tín chỉ, kể cả môn chung), có thời lượng đào tạo là 2,5 năm.

**Năm 2019** Trường tổ chức cập nhật, điều chỉnh toàn bộ các CTĐT đã áp dụng trước năm 2019. Trong số đó, CTĐT nghề Cắt gọt kim loại, trình độ Cao đẳng đã được điều chỉnh, kéo giảm thời lượng đào tạo xuống 2,0 năm, gồm 30 môn học, mô-đun (79 tín chỉ). Cao đẳng liên thông từ trình độ Trung cấp vẫn giữ 1,0 năm.

**Năm 2022**, theo quy định, Trường CĐKT Nguyễn Trường Tộ tiếp tục tiến hành nội dung bổ sung, điều chỉnh các CTĐT của Trường sau 03 năm áp dụng. CTĐT nghề Cắt gọt kim loại, trình độ Cao đẳng điều chỉnh thời lượng đào tạo tăng lên 2,5 năm, có 36 môn học, mô-đun (102 tín chỉ). Cao đẳng liên thông vẫn giữ thời lượng 1,0 năm.

## **B. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CẮT GỌT KIM LOẠI, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

### **1. CĂN CỨ TỰ ĐÁNH GIÁ**

- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

### **2. THỜI GIAN THỰC HIỆN TỰ ĐÁNH GIÁ**

- Thời gian thực hiện tự đánh giá: Từ sau khi ban hành Kế hoạch số 81/KH-CĐKTNTT ngày 02/3/2023 đến ngày 26/5/2023. Trong đó có các phiên họp kỹ thuật, họp góp ý của Hội đồng, Ban Thư ký.

- Thời gian hoàn chỉnh nội dung báo cáo và phụ lục minh chứng (Ban Thư ký thực hiện): từ sau khi triển khai đến ngày 05/5/2023; ước 10 tuần.

- Thời gian công bố báo cáo tự đánh giá: dự kiến ngày 29/5/2023.

### 3. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

**3.1. Tổng số điểm đạt được: 94/100.** Tự đánh giá: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT.

#### 3.2. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Nội dung Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	<b>KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC</b>	<b>94/100</b>	<b>Đạt tiêu chuẩn kiểm định</b>
<b>1</b>	<b>Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính</b>	<b>6/6 (100%)</b>	<b>Đạt</b>
1.1.	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	02	Đạt
1.2.	Tiêu chuẩn 1.2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	02	Đạt
1.3	Tiêu chuẩn 1.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	02	Đạt
<b>2</b>	<b>Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo</b>	<b>12/14 (86%)</b>	<b>Đạt</b>
2.1	Tiêu chuẩn 2.1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	00	Không đạt
2.2	Tiêu chuẩn 2.2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	02	Đạt
2.3	Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm	02	Đạt

TT	Nội dung Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.		
2.4	Tiêu chuẩn 2.4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	02	Đạt
2.5	Tiêu chuẩn 2.5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	02	Đạt
2.6	Tiêu chuẩn 2.6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	02	Đạt
2.7	Tiêu chuẩn 2.7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	02	Đạt
<b>3</b>	<b>Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	<b>14/16 (88%)</b>	<b>Đạt</b>
3.1	Tiêu chuẩn 3.1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	00	Không đạt
3.2	Tiêu chuẩn 3.2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	02	Đạt
3.3	Tiêu chuẩn 3.3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	02	Đạt
3.4	Tiêu chuẩn 3.4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	02	Đạt
3.5	Tiêu chuẩn 3.5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	02	Đạt

<b>TT</b>	<b>Nội dung Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá</b>
3.6	Tiêu chuẩn 3.6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	02	Đạt
3.7	Tiêu chuẩn 3.7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	02	Đạt
3.8	Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	02	Đạt
<b>4</b>	<b>Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình</b>	<b>24/24 (100%)</b>	<b>Đạt</b>
4.1	Tiêu chuẩn 4.1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	02	Đạt
4.2	Tiêu chuẩn 4.2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	02	Đạt
4.3	Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	02	Đạt
4.4	Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	02	Đạt
4.5	Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	02	Đạt
4.6	Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	02	Đạt
4.7	Tiêu chuẩn 4.7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	02	Đạt

TT	Nội dung Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
4.8	Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	02	Đạt
4.9	Tiêu chuẩn 4.9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	02	Đạt
4.10	Tiêu chuẩn 4.10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	02	Đạt
4.11	Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	02	Đạt
4.12	Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	02	Đạt
<b>5</b>	<b>Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</b>	<b>14/16 (88%)</b>	<b>Đạt</b>
5.1	Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	02	Đạt
5.2	Tiêu chuẩn 5.2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	00	Không đạt
5.3	Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	02	Đạt
5.4	Tiêu chuẩn 5.4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	02	Đạt
5.5	Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	02	Đạt

<b>TT</b>	<b>Nội dung Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá</b>
5.6	Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	02	Đạt
5.7	Tiêu chuẩn 5.7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	02	Đạt
5.8	Tiêu chuẩn 5.8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	02	Đạt
<b>6</b>	<b>Tiêu chí 6 : Dịch vụ cho người học</b>	<b>8/8 (100%)</b>	<b>Đạt</b>
6.1	Tiêu chuẩn 6.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	02	Đạt
6.2	Tiêu chuẩn 6.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	02	Đạt
6.3	Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	02	Đạt
6.4	Tiêu chuẩn 6.4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	02	Đạt
<b>7</b>	<b>Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng</b>	<b>16/16 (100%)</b>	<b>Đạt</b>



TT	Nội dung Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
7.1	Tiêu chuẩn 7.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	02	Đạt
7.2	Tiêu chuẩn 7.2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	02	Đạt
7.3	Tiêu chuẩn 7.3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	02	Đạt
7.4	Tiêu chuẩn 7.4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	02	Đạt
7.5	Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	02	Đạt
7.6	Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	02	Đạt
7.7	Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	02	Đạt
7.8	Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	02	Đạt

### C. ĐỀ XUẤT, KHUYẾN NGHỊ

1. Đề xuất: Không có.

2. Khuyến nghị: Không có./.

**Nơi nhận:**

- Tổng cục GDNN (để b/c);
- Sở LĐ-TB&XH TP.HCM (để b/c);
- Các bộ phận, đoàn thể;
- Công khai;
- Lưu: VT, P.ĐT (K).

**HIỆU TRƯỞNG****Nguyễn Lê Đình Hải**